

Bản án số: 133/2024/DS – ST  
Ngày: 07/8/2024  
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân :* Ông Trịnh Xuân Tùng.  
Ông Lê Thành Chí.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: số nhà A, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).
- *Bị đơn:* Ông Mai Văn P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: số nhà B, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:*

Từ năm 2018 đến ngày 02/10/2020, bà có nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thú y thủy sản cho ông Mai Văn P nuôi tôm công nghiệp. Hình thức mua bán các bên thỏa thuận, bà bao thuốc, thức ăn cho đến khi nào ông P thu hoạch tôm. Sau khi thu hoạch xong dù lời hay lỗ thì ông P cũng phải thanh toán toàn bộ số tiền thức ăn cho bà. Việc mua bán giữa bà với ông Mai Văn P không có làm hợp đồng nhưng khi giao nhận hàng có làm sổ theo dõi. Bà đã giao đầy đủ hàng hóa theo yêu cầu của ông P. Mặc dù có thỏa thuận là ông P phải thanh toán cho bà khi cuối vụ nhưng có vụ ông P thua lỗ không thanh toán hết nợ thì bà vẫn bán tiếp.

Tính đến ngày 02/10/2020, ông **Mai Văn P** còn nợ tiền thức ăn của bà là 102.649.000 đồng. Nợ lãi tính từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất là 0.83%/tháng với số tiền lãi là 35.783.441 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông **Mai Văn P** nợ bà là 138.432.441 đồng. Nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Mai Văn P** có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 102.649.000 đồng, cùng số tiền lãi tính từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất là 0.83%/tháng với số tiền lãi là 35.783.441 đồng, cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/4/2024 cho đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Nay bà chỉ yêu cầu ông **Mai Văn P** có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 102.649.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày làm đơn khởi kiện 18/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 07/8/2024 là 3 tháng lẻ 19 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 3.096.000 đồng. Bà xin rút lại yêu cầu tính lãi suất từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi là 35.783.441 đồng. Về số tiền nợ bà yêu cầu ông **P** phải trả một lần cho bà.

*Theo nội dung biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa – bị đơn ông **Mai Văn P** trình bày:*

Ông có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà **Đoàn Thị H**, bắt đầu mua vào năm 2018. Hình thức mua bán là bà **H** giao thức ăn và thuốc, đến cuối vụ khi thu hoạch xong thì ông sẽ thanh toán tiền cho bà **H**. Trong quá trình mua bán, ông cũng có thanh toán tiền cho bà **H**, nếu trúng thì trả đầy đủ, còn khi nuôi tôm thất thì trả ít, có khi không trả được số tiền nào. Đến ngày 02/10/2020 bà **H** không có bán thức ăn nuôi tôm cho ông nữa, nên cũng từ ngày 02/10/2020 thì ông không có trả tiền mua thức ăn nuôi tôm cho bà **H**. Số tiền ông còn nợ bà **H** là 102.649.000 đồng. Bà **H** có làm tờ biên nhận nợ số tiền 102.649.000 đồng vào khoảng tháng 11/2022 ông có ký tên trong đó.

Nay ông đồng ý trả cho bà **H** số tiền nợ gốc 102.649.000 đồng, nhưng xin được trả dần với cách thức mỗi năm trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn về số tiền lãi phát sinh mà bà **H** yêu cầu tính từ ngày 18/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 07/8/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng thì ông xin bà **H** bỏ số tiền lãi này cho ông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Đương sự là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các Điều 26, 35, 39, 217 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đoàn Thị H** về việc buộc ông **Mai Văn P** có nghĩa vụ trả cho bà **H**

số tiền nợ gốc 102.649.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 07/8/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng. Đình chỉ đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu. Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần số tiền nợ của ông P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu bị đơn ông Mai Văn P trả tiền mua bán thức ăn còn thiếu. Bị đơn ông Mai Văn P có đăng ký thường trú tại ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa nguyên đơn bà Đoàn Thị H với bị đơn ông Mai Văn P được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Thị H yêu cầu ông Mai Văn P trả cho bà H số tiền nợ gốc 102.649.000 đồng. Ông P thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản của bà H và hiện nay còn nợ bà H số tiền nợ gốc 102.649.000 đồng. Ông P đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 102.649.000 đồng. Lẽ đó, việc bà H yêu cầu ông P trả cho bà H số tiền 102.649.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ngoài số tiền nợ gốc 102.649.000 đồng, bà H còn yêu cầu ông P trả số tiền lãi tính từ ngày 18/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 07/8/2024 là 3 tháng lẻ 19 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 3.096.000 đồng. Còn ông P xin bà H bỏ lãi cho ông P, bà H không đồng ý với yêu cầu của ông P. Xét thấy, trong quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm, do ông P không thanh toán tiền đúng như thỏa thuận, nên ông P còn phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nên yêu cầu của nguyên đơn bà H về việc yêu cầu bị đơn ông P trả cho bà H số tiền lãi tính từ ngày 18/4/2024 cho đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 07/8/2024 là 3 tháng lẻ 19 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 3.096.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông P phải có nghĩa vụ trả cho bà H là 105.745.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 35.783.441 đồng. Nguyên đơn bà **H** có yêu cầu xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi của nguyên đơn từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 35.783.441 đồng.

[5] Về yêu cầu trả dần nợ của ông **P**: Ông **P** xin được trả dần số tiền nợ cho bà **H** với cách thức mỗi năm trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần này của ông **P** không được nguyên đơn đồng ý. Do ông **P** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà **H** trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà **H**, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của ông **P** không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà **H** được chấp nhận, nên ông **P** phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 105.745.000 đồng x 5% = 5.287.250 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147, 217, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đoàn Thị H**. Buộc ông **Mai Văn P** có nghĩa vụ trả cho bà **Đoàn Thị H** số tiền 105.745.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Đoàn Thị H** về việc yêu cầu ông **Mai Văn P** trả cho bà **H** số tiền lãi tính từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 35.783.441 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Mai Văn P** có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền 5.287.250 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.460.800 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn tám trăm đồng) cho bà **Đoàn Thị H** theo biên lai thu số 0001438 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Thủy Tiên**